TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM DƯƠNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST
Ngày 20 - 9 - 2024
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM DƯƠNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Thảo
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Kiều Thị Thắng
2. Bà Hoàng Thị Hanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoài Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Đầu Xuân Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phùng Thị N, sinh năm 1991 (có mặt).
Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tùng S, sinh năm 1980 (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 06 tháng 6 năm 2024 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Phùng Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tùng S kết hôn ngày 21 tháng 6 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn, hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới, chị về ở và làm ăn chung với gia đình anh S. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng hạnh phúc. Tháng 6 năm 2019, chị đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản, anh S ở lại Việt Nam. Năm 2019, sau khi chị đi Nhật Bản, vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh S thường xuyên chơi bời, không chịu làm ăn, không chăm sóc cho con chung. Vợ chồng chị mâu thuẫn căng thẳng từ năm 2019. Tháng 6 năm 2021, chị được nghỉ phép về gia đình khoảng 20 ngày nhưng chị và anh S không gặp

nhau, không nói chuyện với nhau. Vợ chồng chị ly thân từ tháng 6 năm 2021 cho đến nay. Năm 2022, chị về Việt Nam nhưng không về gia đình anh S ở mà về ở nhà mẹ đẻ của chị ở thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Bích N1, sinh ngày 04/4/2012; cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 27/01/2014 và cháu Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 29/11/2015. Hiện nay, 03 cháu đều đang ở với chị. Ly hôn, chị xin được nuôi cả 03 cháu, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất canh tác, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị và anh S không có tài sản cho ai vay và không vay của ai tài sản gì.

- Bị đơn anh Nguyễn Tùng S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh S đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh S cũng như không tiến hành hòa giải giữa các đương sự theo quy định của pháp luật được. Anh S không có yêu cầu phản tố. Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh S không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do chị N cung cấp.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã lấy lời khai của cháu Nguyễn Bích N1, cháu Nguyễn Ngọc T, cháu Nguyễn Ngọc M. Cháu N1, cháu T, cháu M đều có nguyện vọng được ở với chị N.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, như: Cung cấp đầy đủ, kịp thời các chứng cứ, tài liệu liên quan đến việc giải quyết vụ án cho Tòa án, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án để chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phùng Thị N, cho chị Phùng Thị N được ly hôn anh Nguyễn Tùng S; về con chung: Giao cháu Nguyễn Bích N1, cháu Nguyễn Ngọc T, cháu Nguyễn Ngọc M cho chị N nuôi dưỡng. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản, công sức, đất canh tác: Không yêu cầu nên không xem xét; về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy đinh tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Do bị đơn anh Nguyễn Tùng S có nơi cư trú tại thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn anh Nguyễn Tùng S, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh S không đến Tòa án để giải quyết nên trong hồ sơ không có lời khai của anh S và Tòa án cũng không tiến hành hòa giải được là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Phùng Thị N đã cung cấp, ghi đầy đủ đúng địa chỉ nơi cư trú của anh S cho Tòa án nhưng anh S cố tình giấu địa chỉ thuộc trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 16/8/2023, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và niêm yết theo quy định, ngoài ra còn giao quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà Nguyễn Thị T1 là mẹ anh S và bà T1 cam đoan thông báo ngay cho anh S nhưng anh S vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án đã niêm yết quyết định hoãn phiên tòa theo quy định, ngoài ra còn giao quyết định hoãn phiên tòa cho bà Nguyễn Thị T1 và bà T1 cam đoan thông báo ngay cho anh S. Tại phiên tòa hôm nay, anh S vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Tùng S là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh S xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của chị N và anh S là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa hôm nay, cũng như trong quá trình giải quyết tại Tòa án, chị N cương quyết xin ly hôn còn anh S vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phùng Thị N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh S đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân như chị N đã trình bày ở trên.

Tại biên bản ghi lời khai của bà Nguyễn Thị T1 là mẹ của anh S xác định giữa chị N và anh S đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng và ly thân cho đến nay. Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng chị N, anh S mâu thuẫn thì bà T1 không biết. Tuy nhiên, bà T1 cho rằng do xa cách lâu ngày nên tình cảm của chị N, anh S rạn nứt. Anh S thường xuyên đi làm xa, còn cụ thể anh S làm gì, ở đâu thì bà T1 không biết. Anh S vẫn thỉnh thoảng về gia đình. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà T1 cũng đã nhận thay anh S các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh S và bà đều thông báo cho anh S được biết nhưng anh S nói với bà là anh đồng ý ly hôn và đồng ý để chị N nuôi cả 03 con nhưng anh S không đến Tòa án để làm việc.

Tại biên bản xác minh tại địa phương nơi cư trú của anh S cũng thể hiện Anh S thường xuyên đi làm thuê nhưng cụ thể anh S làm công việc gì, ở đâu, địa phương không nắm bắt được nhưng anh S vẫn thỉnh thoảng về gia đình ở thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Như vậy, có thể khẳng định vợ chồng chị N, anh S mâu thuẫn căng thẳng và ly thân từ khoảng tháng 6 năm 2021 cho đến nay. Anh S biết việc Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết vụ án ly hôn giữa chị N và anh S nhưng anh S cố tình không đến Tòa án để giải quyết. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ vì cuộc sống chung giữa chị N và anh S không có hạnh phúc, quan hệ hôn nhân đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần xử cho chị N được ly hôn anh S là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Vợ chồng chị N, anh S có 03 con chung là cháu Nguyễn Bích N1, sinh ngày 04/4/2012; cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 27/01/2014 và cháu Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 29/11/2015. Hiện nay, 03 cháu đều đang ở với chị N. Ly hôn, chị N xin được nuôi cả ba con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị N về việc được trực tiếp nuôi cả ba con là chính đáng. Cháu N1, cháu T, cháu M cũng có nguyện vọng được ở với chị N. Anh S thường xuyên đi làm xa. Anh S biết việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị N với anh S nhưng anh S không về nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N để giao cả ba cháu cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp. Chị N không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

- Về công nợ: Chị N xác nhận không có.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, đất canh tác, công sức đóng góp: Vì chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh S vắng mặt không có quan điểm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[4]. Về án phí: Chị Phùng Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh Nguyễn Tùng S không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Cho chị Phùng Thị N được ly hôn anh Nguyễn Tùng S.

2. Về con chung:

2.1. Chị Phùng Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bích N1, sinh ngày 04/4/2012; cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 27/01/2014 và cháu Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 29/11/2015.

Anh Nguyễn Tùng S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Anh Nguyễn Tùng S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phùng Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0007380 ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Phùng Thị N có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Tùng S vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tam Dương;
- Chi cục THADS huyện Tam Dương;
- UBND xã H, huyện Tam Dương;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thảo